

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Kim Luyến.

Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1027/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 2000 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

ĐKTT: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh T

Địa chỉ: Cạnh 39 L, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Tổng Trần Phương K**, sinh năm 1996 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12A dãy B đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

Bà và ông Tổng Trần Phương K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 24/4/2019. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng

đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc để vun đắp cho đời sống vợ chồng được bền vững. Bà đã cố gắng tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tống Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 11/12/2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng)

Về tài sản chung: Bà P xác định không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 20/12/2023 bị đơn – ông Tống Trần Phương K trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ vào năm 2019. Trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Tống Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 11/12/2018.

Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Lê Thanh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tống Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 11/12/2018. Ông đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên vì thu nhập hiện tại của ông K còn bấp bênh, không đủ lo cho cuộc sống cũng như trợ cấp nuôi con nên ông K không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng (Ba triệu đồng), ông K yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung: Ông Khánh xác định không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông Khánh xác định không có, không yêu cầu giải quyết

Do bận công việc, ông đề nghị được vắng mặt tất cả các phiên họp, phiên hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Tống Trần Phương K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà P, ông K là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 01/8/2023, bà Nguyễn Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Tống Trần Phương K, do đó xác định đây là loại kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông K có địa chỉ cư trú tại quận N nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông K tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 24/4/2019 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà P cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 20/12/2023 ông K cũng đồng ý ly hôn với bà P, mâu thuẫn giữa bà P và ông K đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà P và ông K có 01 con chung tên Tống Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 11/12/2018. Hội đồng xét xử thấy, cháu K chưa đủ 7 tuổi nên không ghi nhận được ý kiến của cháu và hiện tại cháu đang được bà P chăm sóc, xét thấy bà P có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, do đó không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên giao 01 con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà P có yêu cầu ông K cấp dưỡng con chung 3.000.000đồng/tháng nhưng ông K cho rằng ông không đủ khả năng và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà P theo quy định của pháp luật, cụ thể buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu K một tháng 900.000đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung: Bà P và ông K xác định không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.5] Về nợ chung: Bà P và ông K xác định không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Tống Trần Phương K.

2. *Về nuôi con chung*: Giao có 01 con chung tên Tống Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 11/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là 900.000đồng/tháng (chín trăm nghìn đồng mỗi tháng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu K tròn 18. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông K không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu K các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000020 ngày 24-8-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà P không phải nộp thêm.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Tống Trần Phương K phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- UBND P. H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Tuyết Phương